

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ**Thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó
khẩn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)
tại tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025****I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TỔNG THỂ CỦA
CHƯƠNG TRÌNH**

Kế hoạch tổng thể của Chương trình được xây dựng trên các cơ sở pháp lý như sau:

- Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

- Hiệp định vay số 3758 VIE (COL) ký giữa Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) ngày 06/8/2019;

- Hiệp định viện trợ không hoàn lại số 0636-VIE(SF) ký giữa Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) ngày 06/8/2019;

- Quyết định số 1467/QĐ-TTg ngày 02/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khẩn sử dụng vốn ODA của Ngân hàng phát triển Châu Á;

- Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 19/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khẩn vay vốn ODA của Ngân hàng phát triển Châu Á;

- Quyết định số 6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Báo cáo Nghiên cứu khả thi và Quyết định đầu tư Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khẩn sử dụng vốn ODA của Ngân hàng phát triển Châu Á;

- Quyết định số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi và Quyết định đầu tư “Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khẩn sử dụng vốn ODA và viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng phát triển Châu Á;

- Quyết định số 3013/QĐ-BYT ngày 22/6/2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể “Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khẩn” sử dụng nguồn vốn vay và viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB);

- Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Ban Quản lý “Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn” sử dụng vốn vay của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) tại tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 1656/KH-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên Chương trình:

- Tên Chương trình (tiếng Việt): Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn.

- Tên Chương trình (tiếng Anh): Local Health Care for Disadvantaged Areas Sector Development Program.

2. Mã số Chương trình/mã số Hiệp định tài chính: 3758-VIE (COL). 0636-VIE (SF).

3. Hiệp định tài chính có hiệu lực: Ngày 04/2/2020

4. Địa bàn triển khai Chương trình: Bộ Y tế và 16 tỉnh gồm: Tuyên Quang, Bắc Giang, Phú Thọ, Điện Biên, Lai Châu, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Nông, Bình Phước, Sóc Trăng, Cà Mau.

5. Cơ quan chủ quản Chương trình: Bộ Y tế

6. Cơ quan thực hiện Chương trình: Bộ Y tế và Sở Y tế 16 tỉnh.

7. Chủ đầu tư của Chương trình:

- Hợp phần I: Chủ đầu tư là Sở Y tế 16 tỉnh tham gia Chương trình (hoặc cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ đầu tư).

- Hợp phần II: Chủ Chương trình là Bộ Y tế.

8. Nguồn vốn: Vốn vay ODA và vốn viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

9. Tổng vốn đầu tư của Chương trình: 110,6 triệu USD. trong đó: vốn vay ODA của ADB là 88,6 triệu USD. vốn viện trợ không hoàn lại của ADB là 12 triệu USD và 10 triệu USD vốn đối ứng của trung ương và địa phương.

10. Cơ chế tài chính của Chương trình:

10.1. Đối với nguồn vốn vay ODA:

Thực hiện theo phương thức hòa đồng ngân sách nhà nước để thực hiện nội dung số 7, thành phần 2 về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội trong Chương trình

mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Ngân sách nhà nước cấp phát cho các tỉnh khi tham gia chương trình theo cơ chế của Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới. Tính chất nguồn vốn vay là vốn đầu tư phát triển.

10.2. Đối với nguồn viện trợ không hoàn lại:

Ngân sách nhà nước cấp phát cho Bộ Y tế để thực hiện Chương trình theo quy định. Tính chất nguồn vốn viện trợ là vốn hành chính sự nghiệp.

10.3. Đối với nguồn vốn đối ứng:

Từ ngân sách của Bộ Y tế và các địa phương bố trí từ ngân sách địa phương. Trong đó 8,4 triệu USD vốn đối ứng của các tỉnh tham gia Chương trình để thực hiện Hợp phần I là vốn đầu tư phát triển và 1,6 triệu USD vốn đối ứng của Bộ Y tế và các tỉnh tham gia Chương trình để thực hiện Hợp phần II là vốn hành chính sự nghiệp.

11. Thời gian thực hiện: 2019 - 2025.

12. Mục tiêu của Chương trình:

12.1. Mục tiêu dài hạn:

Tăng cường năng lực cho tuyến y tế cơ sở để hướng tới mục tiêu bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, góp phần bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh cho từng người dân trên địa bàn; cung ứng dịch vụ theo hướng toàn diện, liên tục, phối hợp và lồng ghép chặt chẽ giữa dự phòng và điều trị, giữa các cơ sở y tế trên địa bàn và với tuyến trên, góp phần giảm quá tải cho các bệnh viện tuyến trên, bảo đảm công bằng, hiệu quả trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

12.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, cung cấp trang thiết bị cho các trạm y tế xã (TYTX), trong đó ưu tiên các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, xã hải đảo, các xã thuộc vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn để các TYTX này có đủ số lượng, chất lượng nhân lực hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý hồ sơ sức khỏe, theo dõi quản lý và điều trị một số bệnh không lây nhiễm và một số bệnh mạn tính như hướng dẫn tại Chương trình hành động số 1379/CTr-BYT ngày 19/12/2017 của Bộ Y tế về triển khai thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án xây dựng và phát triển y tế cơ sở trong tình hình mới.

b) Tăng cường năng lực hoạt động của TYTX để thực hiện toàn diện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, giúp giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên.

c) Đổi mới cơ chế tài chính, nhân lực và quản lý:

- Hỗ trợ xây dựng, triển khai thực hiện một số chính sách về đổi mới cơ chế tài chính cho TYTX về khám chữa bệnh và y tế dự phòng.

- Nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ y tế tại TYTX và Trung tâm y tế huyện (TTYT huyện).

- Tăng cường năng lực quản lý tài chính, quản lý nhân sự và quản lý chung cho cán bộ về y tế tuyến cơ sở.

13. Các thành phần của Chương trình:

Chương trình có 2 Hợp phần chính gồm:

- Hợp phần I: Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, cung cấp trang thiết bị cho các trạm y tế xã; bao gồm 2 thành phần:

+ Thành phần I.1: Tăng cường năng lực y tế cơ sở về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các TYTX.

+ Thành phần I.2: Chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ bản và Quản lý, giám sát, đánh giá.

Hợp phần I được thực hiện tại 16 tỉnh gồm: Tuyên Quang, Bắc Giang, Phú Thọ, Điện Biên, Lai Châu, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Nông, Bình Phước, Sóc Trăng, Cà Mau.

- Hợp phần II: Tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở nhằm đổi mới dịch vụ y tế.

Tỉnh Bắc Giang không thuộc phạm vi can thiệp của Hợp phần này.

14. Thông tin Chương trình tại tỉnh Bắc Giang:

14.1. Cơ quan chủ quản Chương trình: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang.

14.2. Cơ quan thực hiện Chương trình: Ban Quản lý Chương trình tỉnh Bắc Giang (được thành lập theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang).

14.3. Chủ đầu tư thực hiện Chương trình: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh (được giao tại Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 02/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU VÀ DỰ KIẾN PHÂN BỐ NGUỒN LỰC

1. Hợp phần I - Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, cung cấp trang thiết bị cho các trạm y tế xã

1.1. Thành phần I.1 - Tăng cường năng lực y tế cơ sở về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các TYTX:

(i) Xây mới 5 TYTX và sửa chữa, nâng cấp 17 TYTX của tỉnh, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe và phù hợp điều kiện kinh tế, địa lý vùng, miền để đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã. Chi phí dự kiến bao gồm cả công tác chuẩn bị đầu tư theo quy định của Luật Xây dựng và các quy định liên quan khác.

(ii) Cung cấp bổ sung trang thiết bị (TTB), bao gồm cả TTB cho truyền thông, công nghệ thông tin, phòng chống dịch bệnh, thiết bị giám sát, hệ thống cảnh báo nhanh cho 22 TYTX thuộc Chương trình.

Số lượng các TYTX được đầu tư dựa vào đề xuất của các địa phương trong tỉnh tại thời điểm xây dựng Chương trình, tùy theo yêu cầu triển khai mà số lượng TYTX có thể thay đổi, đảm bảo không trùng lắp với các trạm y tế được đầu tư từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các chương trình, dự án khác và sẽ được các cấp thẩm quyền phê duyệt.

- *Quy mô xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa các TYTX:*

Chương trình sẽ áp dụng các tiêu chuẩn và mẫu thiết kế điển hình trạm TYTX tại các văn bản: Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020; Quyết định số 2271/QĐ-BYT ngày 17/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tiêu chuẩn thiết kế trạm y tế cơ sở - tiêu chuẩn ngành; Quyết định số 6070/QĐ-BYT ngày 08/10/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn bố trí không gian và các phòng chức năng cho trạm y tế mô hình điểm và các văn bản cập nhật, sửa đổi có liên quan.

Nội dung đầu tư chủ yếu gồm: Xây dựng khối nhà khám, chữa bệnh gồm các phòng chức năng của trạm y tế và các hạng mục phụ trợ gồm: bếp, sân, tường rào bảo vệ, lò đốt rác thải và vườn thuốc nam.

- *Địa điểm đầu tư xây dựng:*

Các TYTX được chọn đề xuất đầu tư phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về tiêu chí lựa chọn tại Phụ lục số 3 của Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018 và Quyết định số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019, cụ thể:

+ *Về nhân lực:* Trạm y tế phải có đủ nguồn nhân lực gồm: bác sĩ (tại chỗ hoặc tăng cường), y sĩ, hộ sinh, điều dưỡng, y sĩ y học cổ truyền... để đảm bảo sau khi đầu tư có thể triển khai được ngay các hoạt động của trạm y tế xã theo nguyên lý y học gia đình.

+ *Về hoạt động:* Đảm bảo trạm y tế sau khi được đầu tư sẽ hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, tuân thủ các hướng dẫn tại Chương trình hành động số 1379/CTr-BYT ngày 19/12/2017 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới (Quyết định số 2348/QĐ-TTg).

+ *Về cơ sở vật chất:*

- Đối với các trạm y tế đề xuất xây mới: Phải là trạm y tế thuộc vùng 3 hoặc vùng 2 có cơ sở vật chất xuống cấp nghiêm trọng không đáp ứng công năng sử dụng.

- Đối với các trạm y tế đề xuất sửa chữa, nâng cấp: Phải là trạm y tế thuộc vùng 3 hoặc vùng 2 có cơ sở vật chất xuống cấp, hư hỏng, dột nát, không đáp ứng công năng sử dụng.

+ Trạm y tế xã được đầu tư phải có độ bao phủ phục vụ cho nhiều người dân trong xã hoặc một số xã trong vùng.

(danh sách chi tiết các TYTX được đầu tư và dự kiến thời gian thực hiện tại Phụ lục I, II, III kèm theo).

1.2. Thành phần 1.2 - Chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý, giám sát, đánh giá:

(i) Công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ bản.

(ii) Thực hiện quản lý, giám sát và đánh giá việc thực hiện Hợp phần I tại địa phương, đảm bảo giải ngân nguồn vốn vay ADB được sử dụng đúng mục tiêu và danh mục các TYTX đã được phê duyệt.

Do vốn vay chỉ được sử dụng cho đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị. Sở Y tế sẽ đề xuất UBND tỉnh cam kết bố trí đầy đủ và kịp thời vốn đối ứng từ ngân sách địa phương cho các nội dung chi khác, bao gồm: Chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng, quản lý dự án, tư vấn xây dựng, tư vấn lập kế hoạch đầu tư, lập thiết kế chi tiết và dự toán chi phí, tư vấn đấu thầu mua sắm, chi phí bảo hiểm, giám sát thi công, chi phí sau xây dựng, thuế, phí... theo quy định của Luật Xây dựng và Luật Ngân sách. Trong trường hợp cần thiết, UBND tỉnh xem xét, bổ sung vốn từ ngân sách địa phương theo quy định hiện hành cho các nội dung liên quan đến việc vận hành hoàn chỉnh của các công trình mà Chương trình đã đầu tư nhưng chưa bao phủ hết. UBND tỉnh hoàn thành các thủ tục đăng ký vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ODA và vốn đối ứng cho Chương trình trên cơ sở thống nhất kế hoạch với Bộ Y tế để đảm bảo các yêu cầu về chuyên môn.

1.3. Kinh phí đầu tư phân bổ thực hiện Hợp phần I :

Theo báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình được phê duyệt tại Quyết định số 6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018 và Quyết định số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế; tỉnh Bắc Giang được phân bổ kinh phí để thực hiện Hợp phần I như sau:

Bảng 1: Tổng hợp phân bổ kinh phí đầu tư XDCB và TTB

Đơn vị tính: Triệu USD (tỷ giá 1 USD = 23.141 VNĐ)

Tên Tỉnh	Số TYTX xây mới	Số TYTX sửa chữa, nâng cấp	Tổng số TYTX được đầu tư XDCB	Vốn vay XDCB	Vốn vay đầu tư TTB	Vốn đối ứng	Tổng
Bắc Giang	05	17	22	2,54	0,3	0,27	3,11

Căn cứ theo tiến độ thực tế triển khai Chương trình; dự kiến phân bổ kinh phí thực hiện theo các năm như sau:

Bảng 2: Dự kiến phân bổ kinh phí Hợp phần I theo năm

Đơn vị tính: Triệu USD (tỷ giá 1 USD = 23.141 VND)

Tên Tỉnh	Vốn vay XDCB	Vốn vay đầu tư TTB	Tổng vốn vay ADB	Vốn đối ứng của tỉnh (*)	Tổng	Dự kiến phân bổ năm 2022		Dự kiến phân bổ năm 2023		Dự kiến phân bổ năm 2024	
						Vốn vay ODA	Vốn đối ứng	Vốn vay ODA	Vốn đối ứng	Vốn vay ODA	Vốn đối ứng
Bắc Giang	2,54	0,3	2,84	0,27	3,11	0,284	0,17	2,272	0,1	0,284	0

(* Ghi chú: Phần vốn đối ứng của tỉnh được tạm tính tại thời điểm lập Báo cáo nghiên cứu khả thi. Trong quá trình thực hiện, tỉnh sẽ cân đối, bố trí vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện Chương trình và đề xuất, báo cáo điều chỉnh, bổ sung vốn đối ứng (trong trường hợp cần thiết) theo quy định của Chương trình.

2. Hợp phần II - Tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở nhằm đổi mới dịch vụ y tế

Tỉnh Bắc Giang không thuộc phạm vi can thiệp của Hợp phần này.

3. Nguồn vốn thực hiện Chương trình tại tỉnh và cơ chế tài chính

3.1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình:

Tổng vốn thực hiện Chương trình tại tỉnh là: **3,11 triệu USD** (tương đương 71.968.510.000 đồng), bao gồm:

- Vốn vay ODA: **2,84 triệu USD** (tương đương 65.720.440.000 đồng).
- Vốn từ đối ứng từ ngân sách tỉnh: **0,27 triệu USD** (tương đương 6.248.070.000 đồng).

3.2. Cơ chế tài chính trong nước đối với Chương trình:

Việc quản lý tài chính theo phương thức Chương trình đầu tư được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và các văn bản khác có liên quan.

a) Phương thức tài trợ:

- Hợp phần I được thực hiện theo phương thức hòa đồng ngân sách để thực hiện nội dung số 7, thành phần 2 về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các TYTX tại địa bàn tỉnh.

- Về vốn đối ứng: Do vốn vay chỉ được sử dụng cho đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị nên đối với các phần chi khác sẽ do ngân sách tỉnh bố trí. Phần vốn đối ứng của tỉnh cho Chương trình sẽ hòa đồng với phần vốn cam kết của địa phương bố trí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và được coi là phần đóng góp của địa phương để thực hiện các nội dung đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội.

b) Phương thức giải ngân:

Tỉnh sử dụng và giải ngân (lập kế hoạch, giao dự toán, cơ chế giải ngân, mua sắm) để đầu tư cho y tế cơ sở theo danh sách đã thống nhất với Bộ Y tế, tuân thủ Luật Ngân sách, các cơ chế của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các văn bản hướng dẫn của Ban Quản lý Chương trình Trung ương.

c) Lập và giao kế hoạch vốn đầu tư của Hợp phần I:

Quy trình lập và phê duyệt kế hoạch vốn hàng năm thực hiện theo quy trình của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các văn bản hướng dẫn cụ thể cho Chương trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế/Ban Quản lý Chương trình tỉnh Bắc Giang

- Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hàng năm của Chương trình gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

- Ban Quản lý Chương trình tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh (đơn vị chủ đầu tư) trong triển khai thực hiện Chương trình tại tỉnh, đảm bảo quản lý, sử dụng nguồn vốn hiệu quả và đúng quy định của Nhà nước.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra các hoạt động của Chương trình tại các đơn vị, địa phương để phát hiện, đề xuất các biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Ban Chỉ đạo Chương trình, UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh (chủ đầu tư thực hiện Chương trình)

- Có trách nhiệm triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình các trạm y tế xã trên địa bàn thuộc Chương trình đảm bảo đúng quy định của Luật Xây dựng và pháp luật liên quan.

- Thực hiện quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán nguồn vốn của Chương trình đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của Luật Ngân sách và pháp luật liên quan về quản lý, sử dụng vốn ODA.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Ban Quản lý Chương trình, Ban Chỉ đạo Chương trình, UBND tỉnh theo quy định.

3. Trung tâm Y tế các huyện

- Trung tâm Y tế các huyện có TYTX được đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh (chủ đầu tư thực hiện Chương trình) trong việc lập thiết kế xây dựng trạm y tế, giám sát thi công xây dựng, tiếp nhận bàn giao đưa vào sử dụng sau khi hoàn thành xây dựng công trình; thực hiện bảo trì, bảo dưỡng trong quá trình sử dụng công trình.

- Tham mưu UBND huyện trong việc chỉ đạo chuẩn bị mặt bằng và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thi công xây dựng các TYTX trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (trình phê duyệt);
- Ban QL Chương trình Trung ương (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Từ Quốc Hiệu

Phụ lục I**DANH SÁCH TRẠM Y TẾ XÃ ĐƯỢC ĐẦU TƯ XÂY MỚI, SỬA CHỮA, NÂNG CẤP VÀ ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**

STT	HUYỆN	TYT được đầu tư xây mới		TYT được đầu tư sửa chữa, nâng cấp		TYT được đầu tư TTB	
		TT	Tên TYT	TT	Tên TYT	TT	Tên TYT
1	Yên Thế	1	Đồng Lạc			1	Đồng Lạc
		2	Bố Hạ			2	Bố Hạ
2	Hiệp Hòa	3	Đồng Tân			3	Đồng Tân
				1	Châu Minh	4	Châu Minh
				2	Đoan Bái	5	Đoan Bái
				3	Mai Đình	6	Mai Đình
				4	Đông Lỗ	7	Đông Lỗ
3	Yên Dũng			5	Đức Giang	8	Đức Giang
		4	Tân Liễu			9	Tân Liễu
4	Lục Nam	5	Trường Giang			10	Trường Giang
				6	Yên Sơn	11	Yên Sơn
5	Sơn Động			7	Vân Sơn	12	Vân Sơn
				8	Long Sơn	13	Long Sơn
				9	Phúc Sơn	14	Phúc Sơn
				10	Giáo Liêm	15	Giáo Liêm
6	Tân Yên			11	Phúc Hòa	16	Phúc Hòa
				12	Song Vân	17	Song Vân
				13	Lam Cốt	18	Lam Cốt
7	Lạng Giang			14	Dương Đức	19	Dương Đức
				15	Tân Hưng	20	Tân Hưng
8	Việt Yên			16	Minh Đức	21	Minh Đức
				17	Nghĩa Trung	22	Nghĩa Trung
Tổng toàn tỉnh:			5		17		22

Phụ lục II
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ
CỦA CÁC TRẠM Y TẾ XÃ XÂY MỚI VÀ SỬA CHỮA, NÂNG CẤP

STT	Tên Trạm y tế	Tên trang thiết bị y tế																Ghi chú
		Huyết áp kế	Ông nghe bệnh	Máy siêu âm chẩn đoán loại xách tay	Máy vi tính + Máy in	Các thiết bị về truyền thông	Máy khí dung	Bộ tiêu phẫu	Máy hút dịch chạy điện	Tủ lạnh 150 lit	Ôn áp	Tủ đựng thuốc, dụng cụ	Bộ khám ngũ quan + đèn đeo trán	Đèn khám bệnh	Đèn Clar	Máy đo đường huyết	Tủ sấy điện cỡ nhỏ	
		Cái	Cái	Cái	Bộ	Bộ	Cái	Bộ	Cái	Cái	Cái	Cái	Bộ	Cái	Cái	Cái	Cái	
I	Trạm y tế xây mới	14	13	5	9	5	5	4	2	2	2	7	2	3	2	1	1	
1	TYT xã Đồng Lạc, Yên Thế	3	3	1	1	1		2	0	0	0	0						
2	TYT xã Đồng Tân, Hiệp Hòa	1	0	1	2	1	1		0	0	0	0						
3	TYT xã Tân Liễu, Yên Dũng	3	3	1	1	1	1		0	0	0	0						
4	TYT xã Trường Giang, Lục Nam	3	3	1	3	1	1	1	1	1	1	2	1	1				
5	TYT xã Bó Hạ, Yên Thế	4	4	1	2	1	2	1	1	1	1	5	1	2	2	1	1	

II	Trạm y tế sửa chữa, nâng cấp	41	38	14	29	16	16	9	4	6	6	13	10	8	6	4	8	
1	TYT xã Vân Sơn, Sơn Động	1	4	1	3		2	1		1		1	2				1	
2	TYT xã Long Sơn, Sơn Động	5	3	1	1	2		1		1	1	2	1	1	1			
3	TYT xã Phúc Sơn, Sơn Động	1	1	1	2		1	1		1	1	1	1	1	1		1	
4	TYT xã Giáo Liêm, Sơn Động	4	4		2	1												
5	TYT xã Châu Minh, Hiệp Hòa	1	1	1	2	1	2											
6	TYT xã Đoan Bái, Hiệp Hòa	2	2	1	1	1	2											
7	TYT xã Mai Đình, Hiệp Hòa	1	1	1	2	1	1											
8	TYT xã Đông Lỗ, Hiệp Hòa	4	2	1	2	1	1	1	1	0	1	2	1	1	1	1	1	1
9	TYT xã Song Vân, Tân Yên	3	3	1	1	1	1						1				1	
10	TYT xã Phúc Hòa, Tân Yên	2	2	1	1	1							1		1	1	1	
11	TYT xã Lam Cốt, Tân Yên	3	3		1	1	1	2			2	2		1	1		1	
12	TYT xã Yên Sơn, Lục Nam	3	3	1	3	1	1	1	1	1	1	2	1	2				
13	TYT xã Dương Đức, Lạng Giang	2	0	1	2	1	1					1			1			
14	TYT xã Tân Hưng, Lạng Giang	2	2	0	1	1										2		
15	TYT xã Minh Đức, Việt Yên	2	2	1	2	1	1	1	1	1		1	1	1			1	
16	TYT xã Nghĩa Trung, Việt Yên	2	2	1	2	1	1	1	1	1		1	1	1			1	
17	TYT xã Đức Giang, Yên Dũng	3	3	1	1	1	1											
	Tổng toàn tỉnh:	55	51	19	38	21	21	13	6	8	8	20	12	11	8	5	9	

